

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu Trung tâm thương mại, dịch vụ,
văn hóa thuộc Khu đô thị mới phía Đông, thành phố Điện Biên Phủ**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐIỆN BIÊN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 252.....
Ngày: 15 Tháng 8 Năm 2014.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Tiếp theo Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 05/08/2011 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên đến năm 2030 và tầm nhìn 2050; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng khu Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa thuộc Khu đô thị mới phía Đông Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 95/SXD-KTQH ngày 01/8/2014 và Tờ trình số 96/TTr-SXD ngày 01/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch, tính chất

1.1. Phạm vi ranh giới quy hoạch: Thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Điện Biên Phủ, nằm trên địa bàn hai phường Him Lam và Noong Bua, có phạm vi ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp khu đất quy hoạch khối cao ốc văn phòng và khu tái định cư Khe Chít (theo quy hoạch chung thành phố).

- Phía Nam: Giáp bản Hồng Lứu, đường vòng tránh thành phố (theo quy hoạch chung thành phố).

- Phía Đông: Giáp đường vòng tránh thành phố.

- Phía Tây: Giáp Kênh Tả và Khu tái định cư Khe Chít.

1.2. Tính chất: Là khu trung tâm dịch vụ thương mại, văn hóa, văn phòng đại diện và trung tâm phường Noong Bua, các khu ở tái định cư, nhà ở xã hội, biệt thự nhà vườn.

2. Quy mô và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

2.1 Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 124 ha.
- Quy mô dân số: 4.500 người.

2.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Chỉ tiêu về đất đai:
 - + Diện tích đất xây dựng đô thị (bình quân đầu người): 276 m²/người.

+ Đất ở:

Biệt thự đơn lập:	300 ÷ 350 m ² /hộ.
Nhà liền kề kết hợp thương mại:	100 ÷ 150 m ² /hộ.
Nhà liền kề:	100 m ² /hộ.
Nhà ở xã hội liền kề	70m ² /hộ.
Nhà ở làng bản:	200 ÷ 300 (m ² /hộ).

- Mật độ xây dựng:

- + Các công trình công cộng: < 40%;
- + Nhà ở liền kề và nhà phố thương mại < 85%;
- + Biệt thự đơn lập và tái định cư làng bản < 60%.

- Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- + Mật độ đường chính và khu vực: 4 km/km².
- + Tỷ lệ đất giao thông: 20,5%.
- + Chỉ tiêu thoát nước bản: 180 l/ng.ng.đ.
- + Chỉ tiêu cấp nước sạch: 180l/ng.ng.đ.
- + Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:
 - Nhà ở thấp tầng: 3-5KW/nhà;
 - Công trình công cộng, cơ quan: 20-30W/m²sàn;
 - Chiếu sáng: 10-15W/m².
- + Thông tin điện thoại: 250 máy/1.000 dân.
- + Chỉ tiêu thu gom rác thải và xử lý: 1kg/ng.ngày.

3. Quy hoạch phát triển không gian và phân khu chức năng

3.1. Quy hoạch phát triển không gian:

Hướng phát triển không gian đô thị: Theo hướng hướng tâm, bám tuyến đường vòng trục chính đô thị có mặt cắt 39m nối tiếp từ trục chính của Khu trung tâm hành chính chính trị tới khu sinh thái hồ Hồng Lúu và trục giao thông hướng tâm với mặt cắt 20,5m.

Hai bên trục chính được bố trí các công trình nhà ở xã hội, các công trình về văn hóa, bảo tàng và các dịch vụ về thương mại thấp tầng.

Các công trình hạ tầng xã hội như trường học, nhà trẻ, nhà văn hóa,... bố trí bám trục đường 20,5 m.

Các công trình nhà ở thấp tầng bao gồm: nhà biệt thự, nhà ở sinh thái, nhà liền kề và nhà phố thương mại bố trí ở trung tâm của khu quy hoạch, các hộ dân trong khu vực dự án bị giải tỏa bố trí vào khu tái định cư nằm ở phía Nam của Khu tái định cư Khe Chít. Dải công viên cây xanh, kết hợp thể dục thể thao bố trí theo dạng hướng tâm. Không gian chung thấp dần từ phía Đông Nam tới trung tâm của khu vực.

3.2. Phân khu chức năng:

a) Các công trình công cộng cấp đô thị: Bố trí tập trung ở phía Nam khu vực, bám trục đường giao thông 39 m, bao gồm:

- Công trình văn hóa:
 - + Bảo tàng Dân tộc tỉnh.
 - + Trung tâm văn hóa tỉnh.
 - + Nhà hát lớn thành phố.
 - + Thư viện tổng hợp.
 - + Cung văn hóa Tây Bắc.
 - + Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng.
 - + Đoàn nghệ thuật thuộc sở văn hóa.
- Bệnh viện Lao Phổi giữ lại chính trang.
- Trường PTTH.

b) Công trình công cộng cấp đơn vị ở:

- Trường mầm non.
- Trường tiểu học.
- Trường THCS.
- Nhà văn hóa phường.
- Công an phường.

c) Nhà ở thấp tầng:

- Nhà ở làng bản truyền thống: Giữ nguyên bản Hồng Lứu trong khu vực quy hoạch, cải tạo chỉnh trang cảnh quan.

- Nhà tái định cư dạng liền kề: Bố trí phía Bắc, giáp khu du lịch sinh thái Hồng Lứu và Khu tái định cư Khe Chít, tạo sự liền kết về chức năng đối với vùng lân cận.

- Nhà biệt thự: Bố trí xung quanh lõi trung tâm của khu vực kết hợp với hệ thống công viên cây xanh tập trung.

- Nhà ở liền kề kết hợp thương mại: Bố trí giáp khu biệt thự và khu công trình công cộng, văn hóa, tổ chức dạng tuyến phố đi bộ.

- Nhà ở tái định cư: Bố trí về phía Nam của Khu tái định cư Khe Chít.

- Nhà ở xã hội: bố trí ở phía Bắc, bám trục đường 39 m.

d) Khu du lịch Hồng Lứu: Khai thác hồ Hồng Lứu giáp bản Hồng Lứu làm điểm nhấn cảnh quan, tổ chức vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng sinh thái.

đ) Công viên, hồ cảnh quan, cây xanh, mặt nước: Tập trung ở lõi trung tâm tạo cảnh quan đô thị, môi trường sinh thái.

e) Khu dự trữ phát triển: Bố trí các công trình hỗn hợp bao gồm: thương mại, dịch vụ và nhà ở.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích đất lập quy hoạch: 124 ha, trong đó:

- Đất công trình công cộng: 22,53 ha, trong đó:

+ Đất công cộng cấp đô thị: 19,98 ha.

+ Đất công cộng đơn vị ở: 2,55 ha.

- Đất Thương mại dịch vụ: 15,8 ha.

- Đất du lịch sinh thái: 8,83 ha.

- Đất cây xanh: 23,27 ha.

- Đất ở: 28,13 ha, trong đó:

+ Đất làng bản giữ lại chính trang: 5,05 ha;

+ Đất nhà ở biệt thự: 6,07 ha;

+ Đất nhà ở liền kề kết hợp dịch vụ thương mại: 8,48 ha;

+ Đất nhà ở liền kề: 0,78 ha;

+ Đất nhà ở tái định cư: 1,81 ha.

+ Đất nhà ở xã hội: 5,94ha.

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 25,44 ha.

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại: Mạng đường giao thông đối ngoại bao gồm:

- Tuyến đường giao thông từ Khu tái định cư Khe Chít xuống Trung tâm huyện Điện Biên quy mô 20,5m.

- Tuyến đường Quốc lộ 279 (đoạn vòng tránh Thành phố) nâng cấp lên đường cấp III miền núi.

- Tuyến đường từ đường Hoàng Văn Thái (tại nghĩa trang A1) kết nối vào phía Tây Nam của khu vực lập quy hoạch quy mô 20,5m;

b) Giao thông nội thị: Mạng lưới đường giao thông trong đô thị dự án được chia thành các cấp sau: cấp đô thị, cấp khu vực và cấp nội bộ, trong đó:

- Cấp đô thị: Tuyến đường chính đô thị kết nối từ điểm cuối khu Trung tâm hành chính chính trị tỉnh đến ngã tư giao với đường Hoàng Văn Thái đi vào có quy mô mặt cắt 39m: Mặt đường 2 x 10,5m; hè 2x6m và dải phân cách giữa là 6m.

- Cấp khu vực: Có quy mô mặt cắt 30m: Mặt đường 2x7,5m; hè 2x5m và dải phân cách giữa là 5m.

- Cấp nội bộ: Gồm các tuyến đường phân khu vực và đường nhóm nhà ở có quy mô mặt cắt từ 11.5m đến 22.5m

- Cơ sở phục vụ giao thông:

+ Bãi đỗ xe: Trong các khu nhà ở cao tầng bố trí bãi đỗ xe vào tầng hầm và sân vườn của nhà cao tầng. Đối với loại hình nhà ở đô thị thấp tầng, bố trí chỗ đỗ xe trong nhà ở.

+ Đối với nhu cầu đỗ xe vĩnh lai: các bãi đỗ xe bố trí tại các vị trí gần khu trung tâm thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và được kết nối liên thông với mạng lưới đường phố.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) Quy hoạch san nền

- Cao độ tìm đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở cao độ đã không chế, quy hoạch mạng lưới cống thu thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống.

- Hướng dốc san nền bám sát độ dốc địa hình lấy hồ điều hòa làm tâm. Độ dốc san nền thay đổi theo độ dốc dọc của các tuyến đường giao thông;

- Tại các vị trí nền đắp giáp ranh giới dự án có sự chênh cốt, thiết kế tường chắn đất bằng đá hộc, bê tông cốt thép để bảo vệ mái taluy và tại các vị trí nền đào ở khu vực đồi cao có biện pháp công trình để gia cố taluy tránh sạt lở.

- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế.

- Cân bằng đào đắp của 3 khu gồm Khu đa chức năng dọc trục đường 60m, khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh, khu Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa: Tổng khối lượng đào 2.980.852m³, tổng khối lượng đắp 2.902.178m³.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Giải pháp: Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Khai thác tuyến suối hiện có kết hợp với hồ cảnh quan làm hồ điều hòa tạo nên điểm nhấn và là hướng thoát nước chính cho khu vực.

- Một phần diện tích lưu vực là 19,27 ha thoát sang phía Nam khu Trung tâm hành chính trị tỉnh và diện tích lưu vực còn lại là 205 ha được xả vào hồ điều hoà nằm ở giữa khu vực lập quy hoạch, từ hồ điều hoà nước sẽ được dẫn qua một hệ thống cống hộp đổ ra mương thoát nước hiện trạng sau đó theo suối Hồng Lú đổ ra sông Năm Róm.

- Độ dốc dọc cống sẽ thiết kế theo độ dốc san nền để đảm bảo chiều sâu chôn cống là hợp lý nhất, cao độ mặt cống bám sát cao độ san nền để thu thoát nước hiệu quả nhất.

- Cao độ đặt cống được chọn trên cơ sở hệ thống cống thoát nước tự chảy.

- Để thoát nước triệt để cho đường, giếng thu nước mặt được bố trí ở hai bên đường tại vị trí tự thủy đối với đường hai mái dốc, sau đó được gom vào hệ thống cống bố trí 1 bên đường, khoảng cách giếng thu trung bình là 40-50m/giếng.

- Phía sau các công trình thiết kế hệ thống rãnh hở hình thang bằng đá hộc để thu nước từ các lưu vực trên núi đổ xuống, sau đó sẽ được thu gom vào các hệ thống cống trên đường.

- Bố trí các giếng thu thăm kết hợp, khoảng cách giữa hai giếng thăm trung bình là 40-50m và tại các điểm thay đổi hướng tuyến và thay đổi kích thước cống.

- Hệ thống cống thoát nước được sử dụng bê tông cốt thép chịu lực.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp với mạng nhánh.

- Mạng truyền dẫn: Được thiết kế theo các tuyến đường giao thông chính. Chiều sâu đặt ống trung bình từ 0,7-1,0m. Trên các tuyến này đặt các họng cứu hỏa. Hệ thống đường ống chính có khẩu độ từ D110 đến D200

- Mạng phân phối: Được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường nội thị, đảm bảo đáp ứng cho tất cả các đối tượng sử dụng nước.

- Nhu cầu sử dụng nước trong khu vực lập quy hoạch bao gồm nước sinh hoạt, nước công trình công cộng, nước tưới cây rửa đường, nước chữa cháy và dự phòng rò rỉ: 1804 m³/ng.đêm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt. Họng cứu hỏa được bố trí trên các đường ống có $\varnothing \geq 100\text{mm}$ nằm trên mạng vòng để đảm bảo không bị quá tải khi lấy nước cứu hỏa. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa từ 100-150m.

5.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Quy hoạch mạng lưới thoát và xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế xây dựng thành hệ thống riêng.

- Thiết kế đường cống theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thu thoát nước triệt để cho từng ô đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cos san nền để thu, thoát nước mặt khi có mưa.

- Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ các lô nhà thoát ra. Các tuyến cống dùng ống nhựa HDPE D200 trở lên, dọc theo các tuyến cống bố trí các giếng thăm tại những vị trí có cống thoát nước thải từ các công trình thoát ra.

- Nước thải từ các hộ gia đình và các công trình công cộng đã được xử lý qua bể tự hoại sau đó thải vào hệ thống thoát nước bản nằm trên trục chính.

- Công suất nước thải trong khu vực lập quy hoạch: $Q = 598$ (m³/ngđ).

- Độ dốc tối thiểu $i = 0,003$ và vận tốc cho phép $V_{\min} \geq 0,8\text{m/s}$ đối với đường ống đường kính 300mm.

- Đường ống: Sử dụng ống nhựa HDPE, sản xuất theo tiêu chuẩn ISO.

- Khoảng cách giữa các hố ga phụ thuộc vào đường kính cống nước thải: Tối đa 30m đối với D300 mm.

b) Vệ sinh môi trường:

- Tổng lượng chất thải rắn là 4,28 tấn/ngày với tiêu chuẩn 1kg/người.ngày; chỉ tiêu thu gom đạt 95%.

- Trên hệ thống đường phố đặt các thùng rác công cộng, được phân loại sau đó thu gom và xử lý tập trung bởi Công ty môi trường đô thị.

- Chất thải rắn sau khi được thu gom sẽ được chuyển đi xử lý tại Nhà máy xử lý rác của thành phố.

5.5. Quy hoạch cấp điện: Tổng công suất của toàn khu vực 17.749 kVA:

a) Điện sinh hoạt:

- Lưới điện trung thế phân phối điện cho các trạm biến áp khu vực là lưới điện có cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV, thiết kế mạng cáp ngầm có kết cấu theo dạng mạng phân nhánh kết hợp với mạng hình tia.

- Trạm biến áp: Bố trí 23 trạm biến áp 22/0,4kV để cấp điện cho các khu nhà biệt thự, nhà liền kề, công sở, công trình công cộng và chiếu sáng đường phố. Vị trí các trạm biến áp được xác định gần trung tâm phụ tải dùng điện với bán kính phục vụ nhỏ hơn 300m.

- Lưới điện hạ thế: Lưới hạ thế là các tuyến cáp ngầm; toàn bộ lưới hạ thế bố trí trong hào kỹ thuật hoặc được chôn trực tiếp trong đất.

b) Chiếu sáng công cộng:

- Tại các trục đường giao thông sử dụng loại cột thép cần đôi và cột thép đơn, sử dụng bóng cao áp để chiếu sáng cho toàn bộ đường phố đảm bảo độ rọi theo quy định. Trên dải cây xanh giữa đường bố trí dãy cột đèn trang trí.

- Các đèn chiếu sáng công cộng được điều khiển bởi tủ điện điều khiển chiếu sáng được cấp nguồn từ trạm biến áp phân phối trong khu vực.

5.6. Hào cáp kỹ thuật:

- Trên các tuyến đường phố đô thị và đường phố khu vực bố trí hệ thống hào cáp kỹ thuật. Hệ thống hào kỹ thuật và hố ga được đặt trong nền vỉa hè.

- Hệ thống hào cáp kỹ thuật bố trí chung cho cả hệ thống hệ thống cáp điện (trung thế và hạ thế, chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường ống cấp nước) để không đào phá mặt đường và vỉa hè khi xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

6. Các biện pháp bảo vệ môi trường

6.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Giảm thiểu tác động tới môi trường không khí do khí thải, bụi thải, tiếng ồn bằng các giải pháp lựa chọn nhà thầu có máy móc thiết bị thế hệ mới, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng các chất ô nhiễm thấp, tưới nước trên công trường vào những ngày nắng nóng, gió mạnh, các xe vận chuyển vật liệu cung cấp cho công trình khi lưu thông trên đường phải được phủ bạt thùng xe, che chắn để hạn chế rơi vãi, gây bụi.

- Giảm thiểu tác động tới môi trường nước: Tiến hành quản lý tốt các nguồn phát sinh chất thải trên công trường, hàng ngày thu gom các nguyên vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường hạn chế tình trạng nước mưa cuốn trôi các vật liệu này đưa vào nguồn tiếp nhận gây ảnh hưởng đến môi trường nguồn tiếp nhận, bố trí lắp một nhà vệ sinh di động bằng coposite tại công trường để phục vụ cho nhu cầu vệ sinh của công nhân.

- Giảm thiểu các tác động khác:

+ Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình thi công xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo TCVN 5949-1998.

+ Sự cố tai nạn giao thông: Các xe vận chuyển vật liệu cung cấp cho công trình chở đúng tải trọng cho phép, chạy với tốc độ chậm khi qua khu dân cư, chấp hành nghiêm chỉnh các qui định khi tham gia giao thông.

+ Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường, đặt biển báo ở những nơi nguy hiểm, để xảy ra sự cố. Tuyên truyền các nguyên tắc an toàn lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

6.2. Giai đoạn hoạt động của dự án:

- Không chế ô nhiễm không khí: Tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, độc hại ra môi trường, bố trí cây xanh trong khu vực đất xây dựng kết hợp với trồng cây xanh trên vỉa hè tạo thành cây xanh cho khu dự án.

- Không chế ô nhiễm nguồn nước: Xây dựng hệ thống thoát nước, các ga thu, ga thăm trong khu vực thực hiện dự án theo đồ án thiết kế Toàn bộ nước thải từ các công trình trong khu vực được thoát theo hệ thống nước thải độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Đối với nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn.

7. Khái toán kinh phí, các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện

7.1. Khái toán kinh phí: Tổng kinh phí đầu tư dự kiến là 1.131 tỷ đồng, trong đó:

a) Công trình hạ tầng xã hội: 312 tỷ đồng.

b) Công trình hạ tầng kỹ thuật: 612 tỷ đồng.

- Giao thông: 264,4 tỷ đồng.

- Thoát nước mặt: 72,7 tỷ đồng.

- Cấp điện: 93,2 tỷ đồng.

- Cấp nước: 8,1 tỷ đồng.

- Chuẩn bị kỹ thuật: 123,2 tỷ đồng.

- Thoát nước thải: 10,8 tỷ đồng.

- Thông tin liên lạc: 7,2 tỷ đồng.

- Hào cáp kỹ thuật và tường chắn: 32,7 tỷ đồng.

c) Đèn bù giải phóng mặt bằng và các chi phí khác: 207 tỷ đồng.

- Đèn bù giải phóng mặt bằng: 133 tỷ đồng.

- Chi phí khác: 74 tỷ đồng.

7.2. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Dự án khu tái định cư cho các hộ phải giải phóng mặt bằng.

- Dự án trục đường 39, các đường giao thông nội khu và san ủi mặt bằng.

- Các dự án về hạ tầng kỹ thuật: Thoát nước, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc.

- Các dự án xây dựng hệ thống trường học cấp đô thị và cấp khu ở.

7.3. Nguồn vốn:

- Khai thác, huy động nguồn vốn ODA, WB, ADB...

- Vốn ngân sách trung ương, địa phương.

- Vốn huy động theo phương thức BT, BOT.

- Vốn huy động từ các tổ chức phi chính phủ.

- Vốn các bộ, ngành đầu tư.

- Vốn thu từ đấu giá đất tại các lô thương mại dịch vụ hỗn hợp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch và phối hợp với UBND thành phố Điện Biên Phủ tổ chức công bố đồ án Quy hoạch theo đúng quy định.

2. UBND thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức công bố quy hoạch theo quy định; đồng thời tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ, cắm mốc quy hoạch ngoài thực địa để quản lý, triển khai quy hoạch; phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch và quản lý đất đai trong phạm vi quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

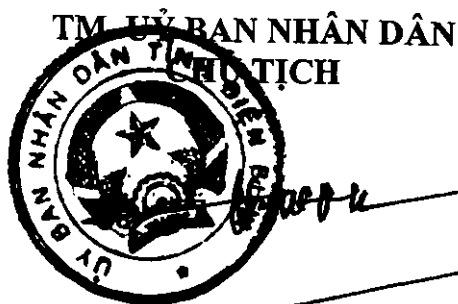
3. Sở kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh trong việc kêu gọi huy động nguồn lực đầu tư để triển khai xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Sở văn hóa Thể thao và du lịch, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Thông tin truyền thông; Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Điện Biên Phủ;
- Lãnh đạo + CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.



Mùa A Sơn